

Số:2527/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 23 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ Quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

Căn cứ Quyết định số 4600/QĐ-BNN-TCTL ngày 13/11/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Kế hoạch phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 203/2019/NQ-HĐND, ngày 17/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc Quy định mức hỗ trợ cụ thể tại các Điều 4, 5, 6 của Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước và chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 127/TTr-SNN&PTNT ngày 01/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện kế hoạch được ban hành tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP.UBND tỉnh;
- Các phòng: KTNV, TTTH-CB;
- Lưu: VT. 4.06.05.



Lê Quang Trung

**KẾ HOẠCH
Phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng giai đoạn 2021-2025
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

Căn cứ Quyết định số 4600/QĐ-BNN-TCTL ngày 13/11/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Kế hoạch phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 203/2019/NQ-HĐND ngày 17/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc Quy định mức hỗ trợ cụ thể tại các Điều 4, 5, 6 của Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước và chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy định về phân cấp quản lý, vận hành và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long”;

Thực hiện Công văn số 8623/BNN-TCTL ngày 09/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng giai đoạn 2021-2025;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng giai đoạn năm 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long” (viết tắt là Kế hoạch) với những nội dung chính như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Nhằm khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn nước, chủ động phòng chống giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Từng bước hoàn thiện hạ tầng hệ thống công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng; hiện đại hóa công tác quản lý, khai thác góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, phục vụ tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới; bảo vệ môi trường, giảm thiểu các thiệt hại do nguồn nước gây ra, đáp ứng yêu cầu phát

triển kinh tế xã hội của tỉnh trong tương lai.

- Phát huy nội lực, nâng cao vai trò chủ thể của người dân trong đầu tư, quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng.

- Là cơ sở để các ngành, các địa phương xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng theo giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh từ năm 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Góp phần thực hiện nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Góp phần đạt các mục tiêu trong KH thực hiện Đề án “Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long” giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Mục tiêu cụ thể

- Huy động các nguồn lực, sự tham gia của các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng nhằm bảo đảm tưới, tiêu chủ động, bảo đảm số lượng, chất lượng nước cho vùng chuyên canh lúa tập trung, vùng sản xuất tập trung, vùng chuyển đổi từ đất trồng lúa sang cây trồng cạn, đáp ứng quy trình kỹ thuật canh tác nông nghiệp tiên tiến, hiện đại, tiết kiệm, hiệu quả:

- + Cấp nước chủ động cho diện tích đất trồng lúa 3 vụ với mức đảm bảo tưới 100%. Trong đó, đến năm 2025 có trên 5% diện tích gieo trồng lúa áp dụng phương thức canh tác tiên tiến.

- + Đến năm 2025, diện tích cây trồng cạn chủ lực, tập trung được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt 25%.

- Bảo đảm hệ thống cấp, thoát nước chủ động, đáp ứng quy trình kỹ thuật nuôi trồng thủy sản tiên tiến, hiện đại đối với vùng nuôi trồng thủy sản thâm canh tập trung.

- Thành lập, củng cố tổ chức thủy lợi cơ sở theo quy định của Luật Thủy lợi (năm 2022 thí điểm thành lập 03 tổ chức thủy lợi cơ sở sau đó nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh). Đến năm 2025 có 70% tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả trên toàn tỉnh (tương đương 7 Tổ chức thủy lợi cơ sở).

II. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

(Chi tiết xem Phụ lục 1,2,3 và 4 kèm theo)

1. Tổ chức thực hiện có hiệu quả hệ thống thể chế, chính sách

Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, hệ thống luật pháp về thủy lợi đảm bảo đồng bộ, thống nhất, khả thi và tổ chức thực hiện có hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương. Tập trung thực hiện một số nội dung sau:

- Rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các văn bản hướng dẫn, cơ chế,

chính sách về đầu tư, quản lý, khai thác thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng.

- Xây dựng định mức, sổ tay hướng dẫn về quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

- Hướng dẫn áp dụng tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức thủy lợi cơ sở.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy định cụ thể mức hỗ trợ, văn bản hướng dẫn, bố trí kinh phí, huy động nguồn lực xã hội hóa và tổ chức thực hiện các chính sách của Chính phủ đã ban hành về hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội và Nghị quyết số 203/2019/NQ-HĐND về việc Quy định mức hỗ trợ cụ thể tại các Điều 4, 5, 6 của Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ.

- Xây dựng, ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

- Tăng cường đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về thủy lợi, nâng cao nhận thức của cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi các cấp, chính quyền, tổ chức thủy lợi cơ sở, người dân thường xuyên cập nhật các cơ chế, chính sách mới về thủy lợi, trong đó có thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng.

2. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng

Huy động các nguồn lực xã hội hóa tham gia đầu tư xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu sản xuất công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, yêu cầu cơ cấu lại ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung một số nội dung chính như sau:

- Đánh giá hiện trạng cơ sở hạ tầng thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng.

- Nâng cấp, cải tạo hệ thống thủy lợi nội đồng phục vụ phương thức canh tác tiên tiến (nông lộ phơi, SRI, 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm...) cho cây lúa nhằm giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm nước, giảm phát thải khí nhà kính.

- Khuyến khích đầu tư xây dựng công trình thủy lợi nhỏ, tích trữ nước phân tán ở các vùng cuối kênh, vùng thường xuyên bị thiếu hụt nguồn nước,...; hoàn thiện công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

- Xây mới, sửa chữa, nâng cấp các trạm bơm tưới - tiêu, cống tưới - tiêu, nạo vét kênh mương đảm bảo tưới, tiêu thoát nước chủ động. Tập trung sửa chữa, nâng cấp các đập đảm bảo nguồn nước tưới, bảo đảm an toàn công trình trong mùa mưa, bão.

3. củng cố, phát triển tổ chức thủy lợi cơ sở

Rà soát, thành lập, củng cố, kiện toàn tổ chức thủy lợi cơ sở theo Luật Thủy lợi để quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng hoạt động

hiệu quả, bền vững, tập trung vào một số nội dung chính như sau:

- Đánh giá thực trạng cơ cấu tổ chức, năng lực của tổ chức thủy lợi cơ sở.
- Thực hiện củng cố, thành lập tổ chức thủy lợi cơ sở (ở những địa phương có điều kiện), nâng cao năng lực cho tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng đáp ứng theo hướng dẫn của Trung ương.
- Đẩy mạnh thực hiện phân cấp, chuyển giao quản lý tưới cho các tổ chức thủy lợi cơ sở; tăng cường sự hỗ trợ của cơ quan chuyên môn và chính quyền các cấp trong việc tổ chức và hoạt động của tổ chức thủy lợi cơ sở.
- Tăng cường vai trò, trách nhiệm có sự tham gia của người dân trong quản lý, khai thác thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng.
- Tăng cường sự tham gia của tổ chức thủy lợi cơ sở trong việc xây dựng kế hoạch cấp, tưới, tiêu, thoát nước của tổ chức khai thác công trình thủy lợi đầu mối.
- Định kỳ hằng năm các tổ chức thủy lợi cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động và báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

4. Khoa học công nghệ, đào tạo, truyền thông

a) Nghiên cứu, áp dụng khoa học công nghệ

- Phối hợp, nghiên cứu, áp dụng những tiến bộ khoa học công nghệ trong đầu tư xây dựng công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng:
 - + Nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ, vật liệu mới trong xây dựng hệ thống thủy lợi nội đồng gắn với giao thông nội đồng, như: công nghệ kênh bê tông vỏ mỏng đúc sẵn, đường ống,...
 - + Nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ tưới, tiêu hiện đại, chế độ, quy trình tưới tiết kiệm nước đáp ứng các biện pháp canh tác tiên tiến, khoa học ứng với các giai đoạn sinh trưởng cho các loại cây trồng.
 - + Ứng dụng công nghệ xây dựng công trình thu trữ nước, cho các vùng cuối kênh, vùng thường xuyên bị thiếu hụt nguồn nước.
 - + Ứng dụng và chuyển giao công nghệ chế tạo các cấu kiện, thiết bị công nghệ mới vào lắp đặt cho hệ thống đầu mối, điểm phân chia nguồn nước,...
- Xây dựng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phù hợp với đặc thù từng khu vực trong tỉnh.
- Xây dựng một số mô hình tổ chức thủy lợi cơ sở thí điểm về: phương thức quản lý, khai thác và hoạt động thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp:
 - + Mô hình thí điểm áp dụng chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng.
 - + Mô hình tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng hoạt động hiệu quả.

+ Mô hình thủy lợi tiên tiến đáp ứng phát triển nền nông nghiệp có tưới, canh tác nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn tăng cường năng lực quản lý, khai thác thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng cho các cán bộ thủy lợi cấp huyện, xã, người trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi của các tổ chức thủy lợi cơ sở theo quy định của Luật Thủy lợi.

b) Đào tạo và đào tạo lại

Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn tăng cường năng lực quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, an toàn đập cho các cán bộ quản lý nhà nước về thủy lợi cấp huyện, xã; người trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi của các tổ chức thủy lợi cơ sở:

- + Rà soát, đánh giá nhu cầu đào tạo và xây dựng kế hoạch đào tạo.
- + Xây dựng khung chương trình và tài liệu đào tạo.
- + Bố trí kinh phí, tổ chức thực hiện đào tạo, tập huấn.

c) Truyền thông

- Tăng cường công tác thông tin, truyền thông về chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước đối với công tác quản lý, khai thác thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng để nâng cao nhận thức của người dân về ý thức bảo vệ công trình thủy lợi, bảo vệ chất lượng nước, sử dụng nước tiết kiệm qua đó nâng cao hiệu quả công trình thủy lợi gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Đẩy mạnh sự tham gia của các cấp chính quyền, tổ chức đoàn thể, đặc biệt là người dân tham gia quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và chất lượng nước qua hình thức phát động các phong trào thi đua.

III. NGUỒN VỐN CHO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

- 1. Ước tổng vốn (từ năm 2021-2025):** 779.180 triệu đồng. Cụ thể:
 - 1.1. Kinh phí tỉnh đầu tư:** 247.020 triệu đồng, trong đó:
 - 1.1.1. Hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước:
 Tổng diện tích: 8866ha, Tổng kinh phí: 243.140 tr.đồng. Chia ra từng năm:
 - Năm 2021: 767ha, Kinh phí: 0 tr.đồng;
 - Năm 2022: 1.084ha, Kinh phí: 32.540 tr.đồng;
 - Năm 2023: 1.783ha, Kinh phí: 53.530 tr.đồng;
 - Năm 2024: 2.351ha, Kinh phí: 70.580 tr.đồng;
 - Năm 2025: 2.881ha, Kinh phí: 86.490 tr.đồng.
 - 1.1.2. Xây dựng, ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình: 2.000 tr.đồng
 - 1.1.3. Xây dựng một số mô hình tổ chức thủy lợi cơ sở: 1.200 tr.đồng

1.1.4. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn tăng cường năng lực quản lý, khai thác thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng: 680 tr.đồng

1.2. Kinh phí huyện, xã thực hiện: 263.400 tr.đồng;

1.3. Kinh phí do dân đóng góp hoặc tổ chức khác (Hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp,..) thực hiện: **268.760 tr.đồng.**

(Chi tiết xem Phụ lục 2,3 và 5 kèm theo)

2. Nguồn vốn đầu tư

a) Nguồn ngân sách tỉnh

- Hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: Dự kiến hỗ trợ đầu tư hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho khoảng 50% diện tích sản xuất tăng thêm được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trong 4 năm giai đoạn 2022-2025;

- Đầu tư xây dựng, ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình; xây dựng một số mô hình tổ chức thủy lợi cơ sở thí điểm; và đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn tăng cường năng lực quản lý, khai thác thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng.

b) Nguồn vốn do Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quản lý (gọi chung là cấp huyện)

- Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu về công trình, về quản lý khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn các huyện.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

- Tổ chức tuyên truyền, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng.

- Thực hiện thông tin, tuyên truyền, đào tạo tập huấn, thanh tra, xử lý vi phạm.

- Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy định về phân cấp quản lý, vận hành và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh,

- Nguồn vốn thực hiện như: Xây dựng cơ bản; Sự nghiệp thủy lợi; Kết dư; Hỗ trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; Hỗ trợ từ Quỹ PCTT tỉnh,...

c) Nguồn vốn do dân đóng góp hoặc tổ chức khác (Hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp, các tổ chức đầu tư các dự án/mô hình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ phát triển sản xuất nông nghiệp có đầu tư tưới tiên tiến, tiết kiệm nước...) đầu tư: tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; nạo vét các kênh, rạch nhỏ nội đồng; xử lý các điểm sạt lở nhỏ; xử lý chống tràn cục bộ, nhỏ ...

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nhiệm vụ của các sở, ngành tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; hằng năm tổ chức tổng hợp, báo cáo tiến độ và đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu về công trình và quản lý hệ thống thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng trên phạm vi toàn tỉnh.

- Chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, tập huấn và hướng dẫn những văn bản điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách mới về đầu tư, quản lý, khai thác thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng.

- Tổng hợp kế hoạch hằng năm của các địa phương, phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí để thực hiện Kế hoạch này

- Định kỳ ngày 05/12 hàng năm tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh bố trí lồng ghép các nguồn vốn: Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ, vốn từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác để thực hiện Kế hoạch này.

- Hằng năm, ưu tiên bố trí ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm đầu tư phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiêu tiết kiệm nước để phát triển kinh tế và nâng cao thu nhập của Người dân nông thôn;

- Phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách thúc đẩy đầu tư phát triển trong lĩnh vực thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiêu tiết kiệm nước.

- Chỉ đạo Phòng chuyên môn theo ngành dọc cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện cân đối, bố trí nguồn lực để thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ban, ngành và các đơn vị tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thuộc nguồn vốn chi thường xuyên theo khả năng cân đối và phân cấp ngân sách để thực hiện Kế hoạch này;

- Ban hành văn bản hướng dẫn các địa phương về thủ tục cấp phát, thanh quyết toán; tổng hợp quyết toán chính sách trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch này; Hướng dẫn, chỉ đạo UBND cấp huyện bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch trong dự toán ngân sách cấp huyện hằng năm.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trên lĩnh vực thủy lợi:

+ Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cảnh báo, dự báo đáp ứng yêu cầu phòng chống thiên tai và ứng phó với hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước...

+ Ứng dụng thành công các công nghệ tiên tiến về tưới, tiết kiệm nước trên cây trồng cạn, về phát triển hệ thống công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung, và về công nghệ tiên tiến phục vụ thiết kế, thi công các công trình thủy lợi.

- Tổ chức triển khai chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm, ưu tiên bố trí nguồn lực khoa học, công nghệ phục vụ công tác nghiên cứu, ứng dụng nhằm phát triển thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Khuyến khích các doanh nghiệp, cơ quan nghiên cứu đầu tư cho khoa học và công nghệ vào phát triển thủy lợi.

5. Sở Xây dựng:

- Phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát tham mưu trình UBND tỉnh về ban hành, điều chỉnh, bổ sung các định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật trên lĩnh vực thủy lợi do tỉnh ban hành phù hợp với đặc điểm, điều kiện trên địa bàn tỉnh;

- Phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra việc đầu tư xây dựng công trình hạ tầng thủy lợi phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo công trình xây dựng an toàn, khai thác, sử dụng hiệu quả phục vụ sản xuất nông nghiệp- phát triển nông thôn kết hợp phòng, chống thiên tai, chủ động ứng phó, thích ứng biến đổi khí hậu.

6. Các sở, ban, ngành khác và các cơ quan thông tin

Tùy theo chức năng nhiệm vụ được phân công chủ động, phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong tuyên truyền vận động nông dân tham gia, cũng như xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm.

7. UBND cấp huyện

- Chủ trì tổ chức thực hiện Kế hoạch này và chỉ đạo xây dựng kế hoạch chi tiết Kế hoạch phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng (giai đoạn 2021-2025) trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố;

- Cân đối các nguồn vốn đầu tư phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng tại Kế hoạch này và theo Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 29/10/2018

của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định về phân cấp quản lý, vận hành và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh;

- Chủ trì xây dựng kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ khi phí sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi công ích hàng năm và giai đoạn 5 năm của cấp huyện: Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch hỗ trợ của cấp xã (có sự hỗ trợ của các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện).

- Tăng cường công tác tuyên truyền, thông tin rộng rãi các chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn quản lý để tổ chức, cá nhân, người dân biết và được hỗ trợ.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ của tổ chức thủy lợi cơ sở (đối với các địa phương chưa có tổ chức thủy lợi cơ sở) và thành lập tổ chức thủy lợi cơ sở theo quy định của Luật Thủy lợi và pháp luật có liên quan.

8. Căn cứ Kế hoạch này các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tùy theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công (*tại Phụ lục 1*), đảm bảo kịp thời, hiệu quả. Định kỳ 6 tháng, năm báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh./.